CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Clever Group

Ngày 30/09/2025	9,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.5%	**3.8%**	**-8.3%**

DT thuần
Q3/25
117
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00| 2.7%
YoY: ▲ 9.00| 8.4%

LN thuần
Q3/25
1.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.83| -82.2%
YoY: ▲ 4.19| 133%

LN sau thuế
Q3/25
0.71
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.10| -85.2%
YoY: ▲ 4.08| 121%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
1.2%
YoY: +/-▼ 4.7%

ROE (TTM)
Q3/25
4.0%
YoY: +/-▲ 1.2%

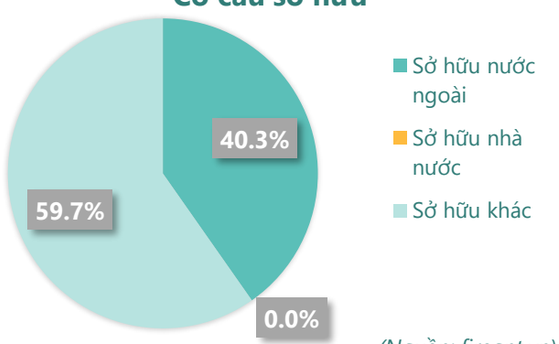
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,520 - 12,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	202
Số lượng CPLH (CP)	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,220
Sở hữu nước ngoài	40.3%
Beta	0.52
EPS	698
P/E	13.5

DT thuần
9T 2025
315
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.00| 1.5%

LN thuần
9T 2025
3.00
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.74| -69.2%

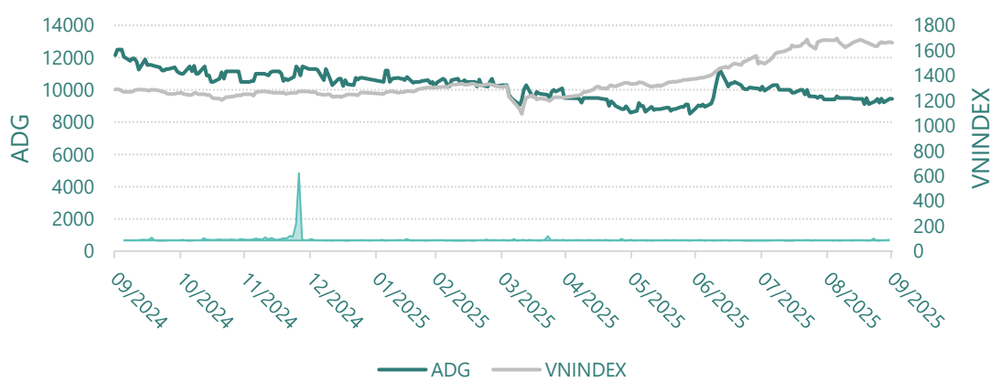
LN sau thuế
9T 2025
1.26
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.10| -76.5%

Cơ cấu sở hữu

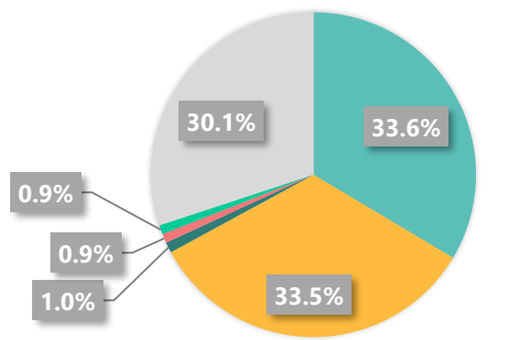


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



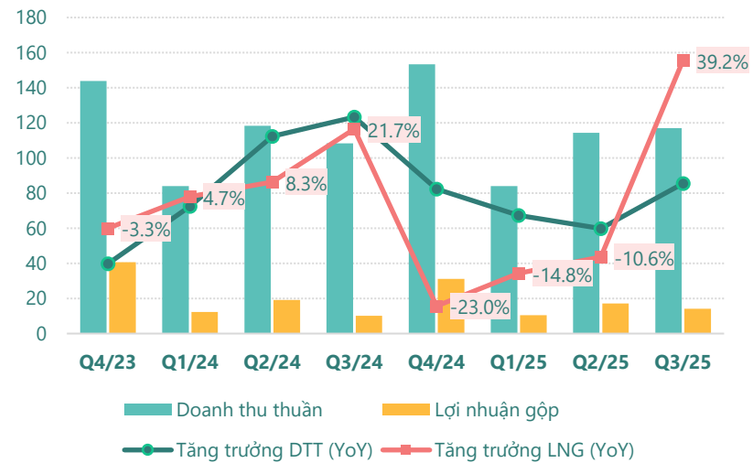
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

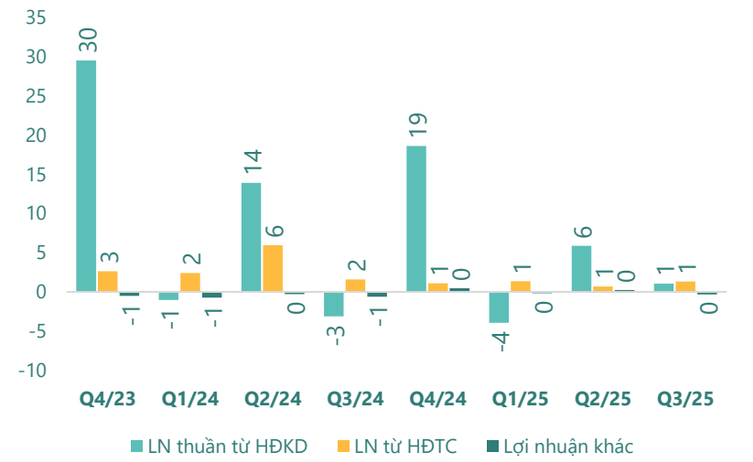
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



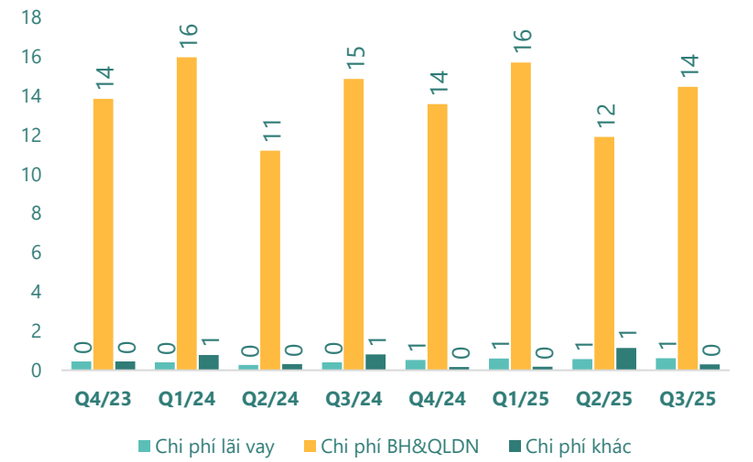
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



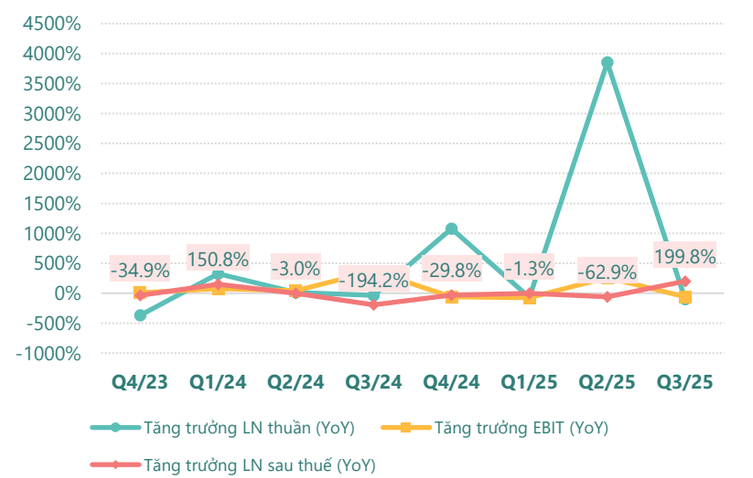
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



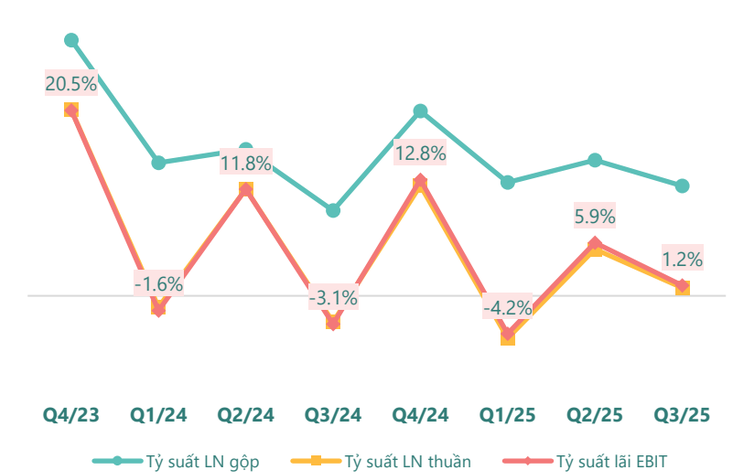
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



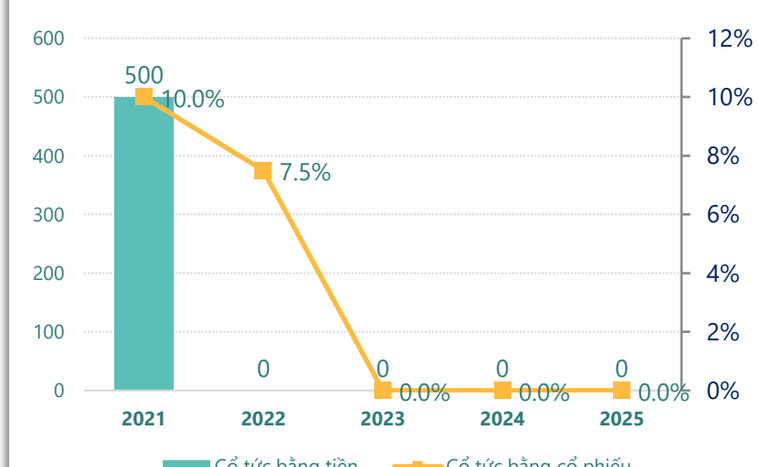
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

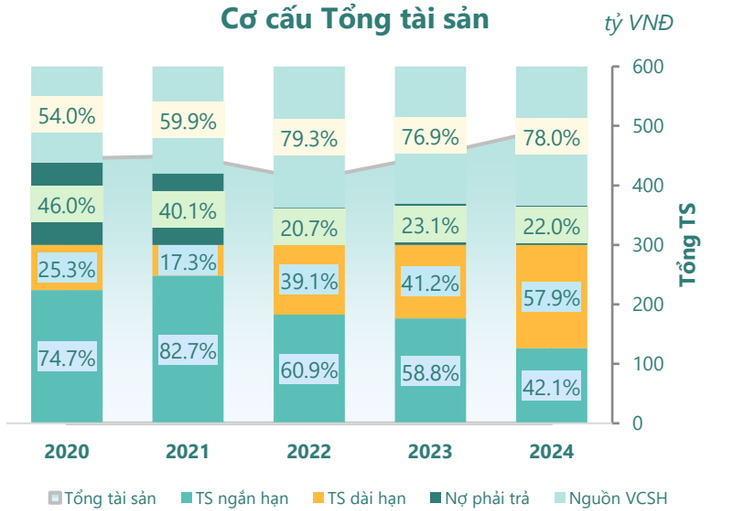
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

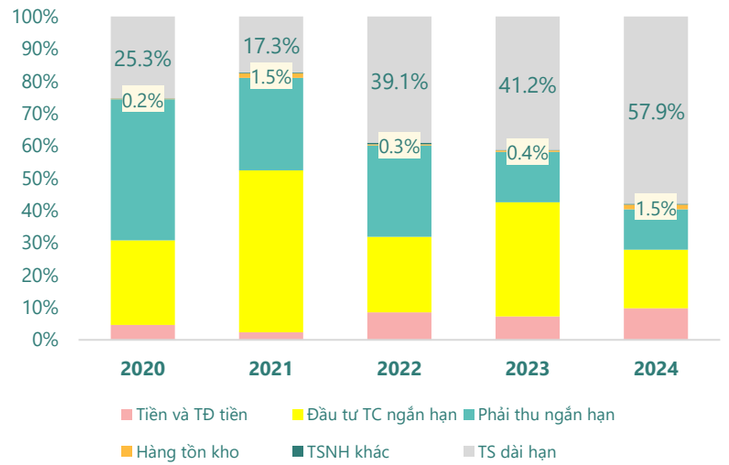
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



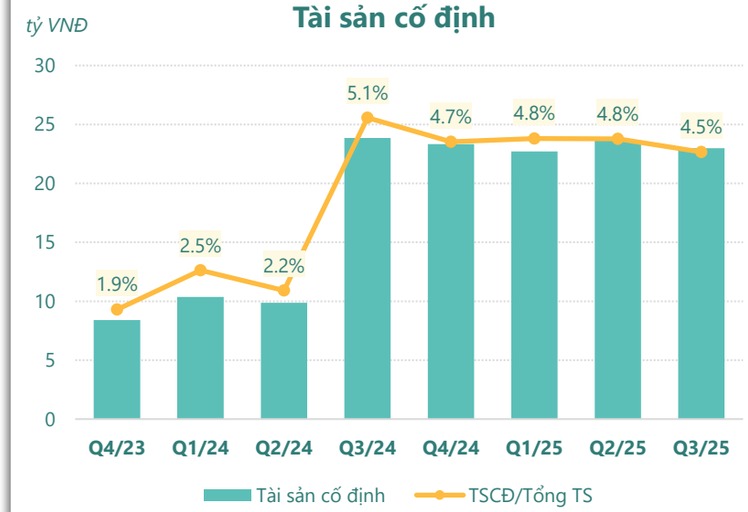
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



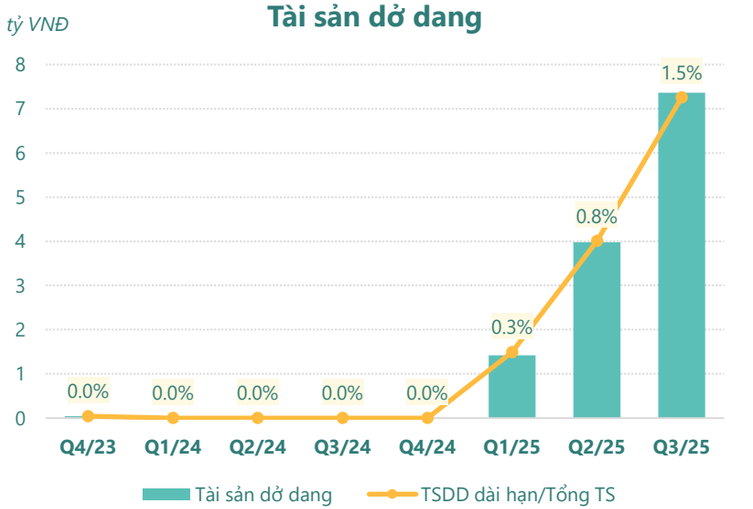
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



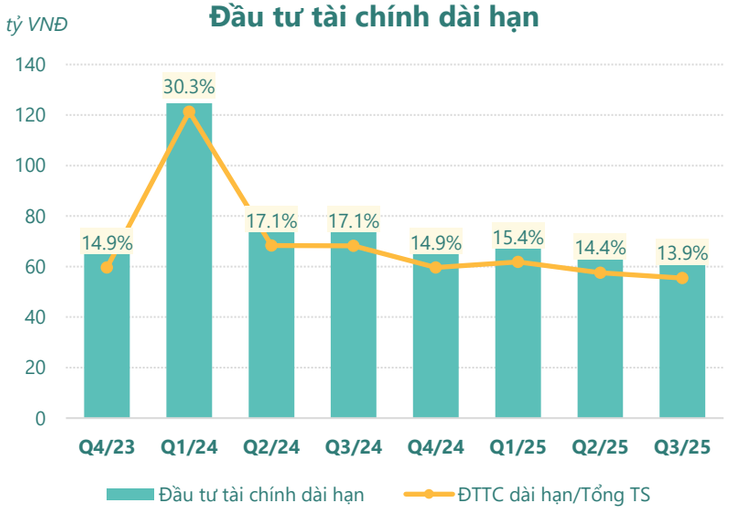
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



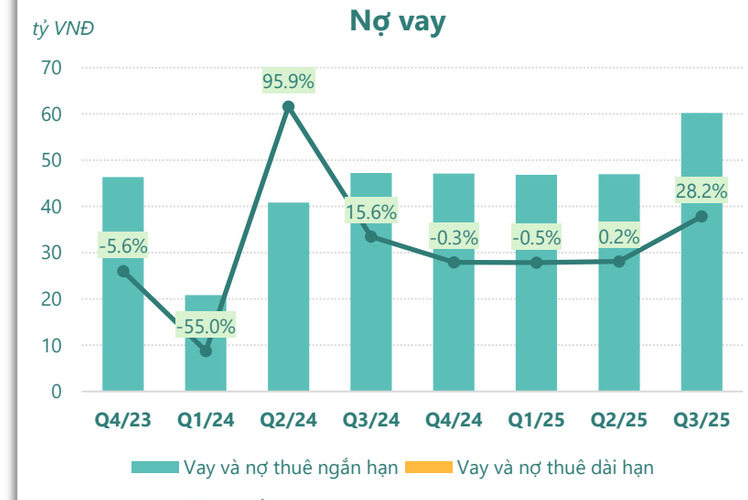
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

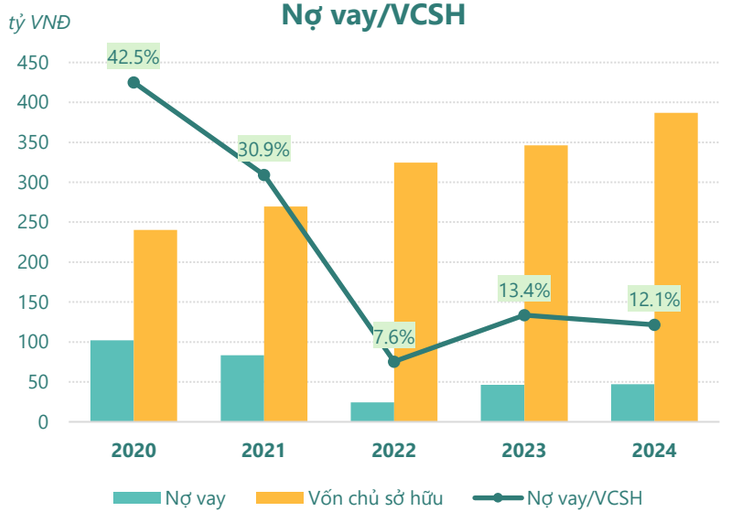
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

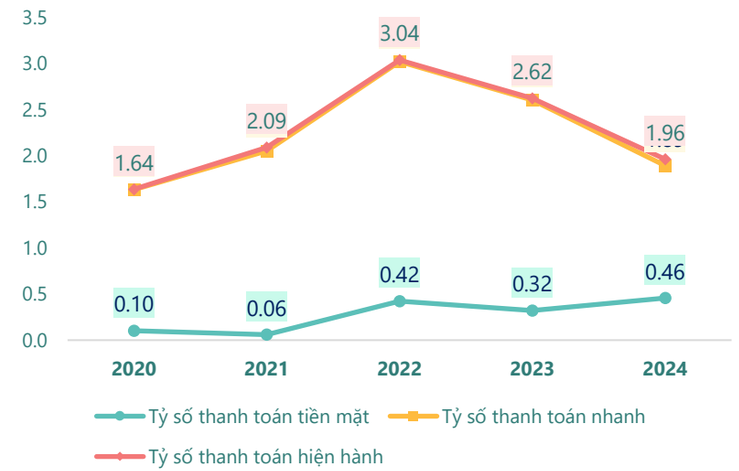
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



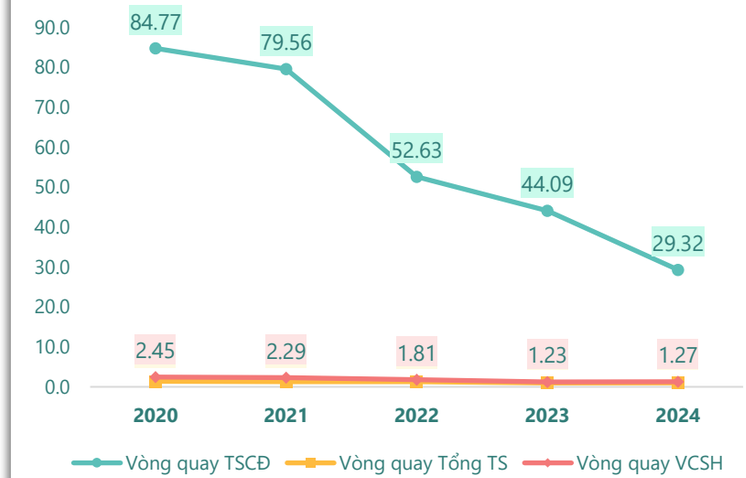
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



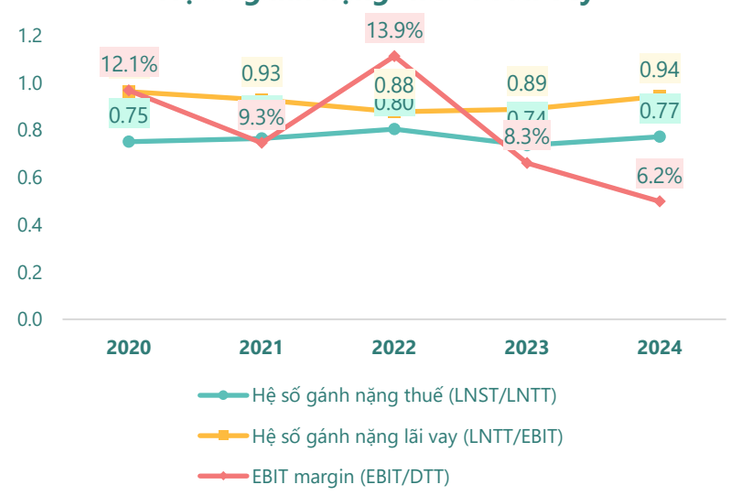
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



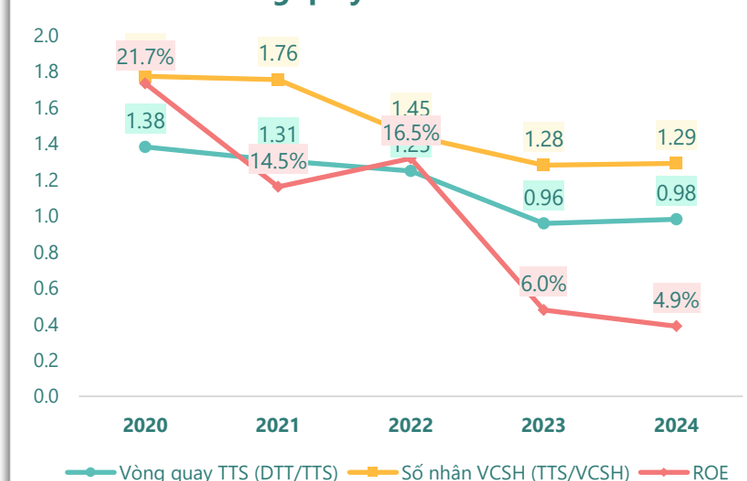
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



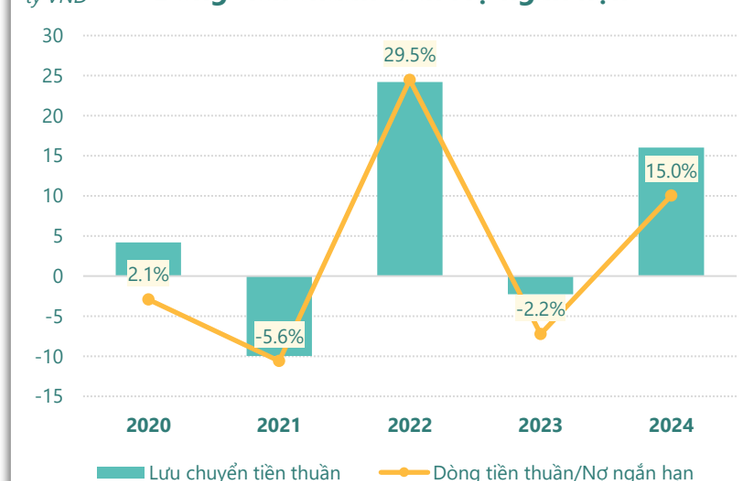
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**117**	**108**	**8.4%**	**315**	**311**	**1.5%**
Giá vốn hàng bán	103	98.2	4.7%	274	269	1.6%
Lợi nhuận gộp	14.2	10.2	39.0%	41.8	41.6	0.3%
Doanh thu HĐTC	1.94	2.02	-3.9%	6.90	11.3	-39.0%
Chi phí TC	0.61	0.43	41.8%	3.52	1.36	158%
Chi phí lãi vay	0.61	0.41	48.7%	1.78	1.10	61.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**-0.06**	**100%**	**-0.07**	**0.19**	**-139%**
Chi phí bán hàng	7.30	7.13	2.4%	20.6	21.8	-5.4%
Chi phí QLDN	**7.16**	**7.74**	**-7.5%**	**21.5**	**20.3**	**5.9%**
LN thuần từ HĐKD	1.05	-3.14	133%	3.00	9.74	-69.2%
Lợi nhuận khác	**-0.30**	**-0.64**	**52.7%**	**-0.23**	**-1.64**	**86.2%**
LN trước thuế	0.74	-3.78	120%	2.77	8.09	-65.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.71**	**-3.37**	**121%**	**1.26**	**5.36**	**-76.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.03**	**-4.57**	**101%**	**0.07**	**2.86**	**-97.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.32	-6.90	17.3	-24.0	13.4	4.66
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.8	-5.97	-4.39	7.50	-16.3	-12.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	19.3	6.38	7.17	-0.17	-0.23	13.3
Tiền đầu kỳ	30.0	35.1	28.5	48.6	32.0	28.8
Lưu chuyển tiền thuần	**5.20**	**-6.49**	**20.1**	**-16.7**	**-3.18**	**5.81**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.10	-0.05	0.03	0.09	-0.05	-0.01
Tiền cuối kỳ	35.1	28.5	48.7	32.0	28.8	34.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**507**	**496**	**2.2%**
Tài sản ngắn hạn	210	209	0.6%
Tiền và tương đương tiền	34.6	48.6	-28.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116	89.7	29.3%
Phải thu ngắn hạn	43.7	62.1	-29.6%
Hàng tồn kho	14.9	7.33	103%
Tài sản ngắn hạn khác	0.98	1.18	-17.0%
Tài sản dài hạn	**297**	**288**	**3.4%**
Phải thu dài hạn	2.03	0.34	490%
Tài sản cố định	23.0	23.3	-1.2%
Bất động sản đầu tư	194	160	21.4%
Tài sản dở dang	7.36	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	70.3	103	-31.9%
Tài sản dài hạn khác	**0.67**	**0.93**	**-28.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	125	109	14.5%
Nợ ngắn hạn	**122**	**106**	**14.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	60.2	47.0	28.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	34.5	29.8	15.5%
Nợ dài hạn	2.90	2.90	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**382**	**387**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**382**	**387**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	214	214	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)